

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ 3: BẢN THÂN- NGÀY HỘI CỦA CÔ GIÁO 20/11
Thời gian thực hiện: 4 Tuần (Từ ngày: 10/11 – 05/12/2025)

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a. Phát triển vận động					
1	18-24 T	Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay – đưa về phía trước, sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên.	- Chân: dang sang 2 bên	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Tay giơ cao + Đưa ra phía trước + Đưa sang ngang + Đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay. - Bụng: + Nghiêng sang trái, sang phải + Cúi về phía trước + Vặn người sang 2 bên - Chân: + Ngồi xuống đứng lên + Dang sang 2 bên + Co duỗi từng chân
2	24-36T	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.		- Lưng, bụng, lườn: Vặn người sang 2 bên. - Chân: Co duỗi từng chân.	
3	18-24T	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi: Đi bước qua vật cản	- Đi bước qua vật cản		* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - VĐ: + Đi bước qua vật cản (18-24T) + Đứng ném bóng (18-24T) + Đi bước vào các ô (24-36T) + Nhún bật tại chỗ (24-36T) + Tung bóng (18-24T) + Ném xa bằng 1 tay (24-36T)
4	24-36T	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: Đi bước vào các ô, nhún bật tại chỗ	- Đi bước vào các ô - Nhún bật tại chỗ		
5	18-24T	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt khi: Tung bóng, đứng ném bóng	- Tung bóng - Đứng ném bóng		

6	24-36T	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: khi ném xa bằng 1 tay	- Ném xa bằng 1 tay	- Bò đến vật chuẩn(18-24T) - Bò qua vật cản(24-36T) * Hoạt động chơi - TC: + Trời nắng trời mưa + Bắt bướm + Chuồn chuồn bay + Gieo hạt
7	18-24T	- Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò đến vật chuẩn.	- Bò đến vật chuẩn	
8	24-36T	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò qua vật cản.	- Bò qua vật cản	
11	18-24T	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.
12	24-36T	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.	* Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời - Chơi ở các khu vực chơi trong giờ đón trả trẻ - Hoạt động góc (Góc thao tác vai: Cho em ăn, ru em ngủ, nấu ăn...) + Góc vận động: Luồn dây, nhón nhặt hạt...)
13	18-24T	- Trẻ tháo lắp lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ.	- Xếp chồng 3-4/5-6 khối vuông/trụ.	- Tháo lắp, lồng được 3- 4 hộp tròn/vuông.
14	24-36T	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...		- Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây -Đóng cọc bàn gỗ. -Chồng, xếp 6 - 8 khối. * HĐ chơi tập có chủ định: - HĐVĐV: + Xâu vòng tặng bạn búp bê + Tạo hình bắn phá hoa bằng ống hút + Nặn cái vòng tặng cô + Di màu cái váy * Hoạt động chơi *Hoạt động chơi: - HDG (Góc hoạt động với đồ vật: Xếp chồng, xếp cạnh, tập xâu... góc vận động: Đóng cọc bàn gỗ, nhón nhặt hạt...) - TCM: Lộn cầu vòng,

					tập tầm vông, nu na nu nồng, đồ gì biến mất
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
15	18-24T	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.(ăn cơm, thịt, cá, rau...)	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Giờ ăn: + Trò chuyện về các loại thức ăn, tập ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau (cơm, thịt xào củ quả, trứng thịt...) + Tập cho trẻ 1 số thao tác cơ bản trong ăn uống như không làm rơi vãi, cầm thìa bằng tay phải, tay trái cầm bát... - Tập luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Trẻ nghe, nói được 1 số từ: Canh rau, thịt xào đậu phụ, Trứng xào...
17	18-24T	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc / Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.		* HĐ ăn, ngủ, vệ sinh, cá nhân: - Trong giờ ngủ: Tập cho trẻ thói quen ngủ đúng giờ, ngủ một giấc buổi trưa.
18	24-36T	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa.			
19	18-24T	- Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	+ Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.	- Tập 1 số thói quen vệ sinh tốt	*Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh: + Tập cho trẻ 1 số thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Tập rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.
20	24-36T	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	+ “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	
21	18-24T	- Trẻ làm được một số việc với	- Tập nói với người	- Tập thể hiện khi có nhu cầu	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh

		sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh - Làm quen với rửa tay, lau mặt	- Giờ ăn: Trẻ tự ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn cơm, ... - Thực hành: Sử dụng cốc uống nước, sử dụng bát, thìa trong khi ăn. Hỗ trợ trẻ chưa có kĩ năng.
22	24-36T	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)		- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	- Giờ vệ sinh: Trẻ tập 1 số thao tác đơn giản như rửa tay trước và sau khi ăn xong, rửa mặt sau khi ăn xong với sự giúp đỡ của cô. - Giờ ngủ: Trẻ tập chuẩn bị cùng cô như lấy gối, lấy chăn.. sau khi ngủ dậy thì cất chăn, cất gối. * Hoạt động giao lưu cảm xúc -Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video bé tập rửa tay, rửa mặt.
23	24-36T	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.		- Mặc quần áo đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi bị ướt	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời (đội mũ khi ra ngoài trời chơi, cởi và thay quần áo khi bẩn dưới sự giúp đỡ của cô...). Trẻ tập hoặc nói với cô khi quần áo bị bẩn, ướt - Khi ra ngoài trẻ tập thói quen đi dép, đội mũ.
24	18-24T	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết 1 số vật dụng nguy hiểm (Dao, kéo, mảnh chai...), những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần (ao, hồ, sông, suối tại địa phương	- Không dẫm lên hột hạt, nơi trơn trượt, không lại gần bếp nóng, không leo trèo cây, lan can, cầu thang... * Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giờ đón, trả trẻ: + Không cầm chơi các vật sắc nhọn, không

				nơi mình đang sinh sống) - Mặc quần áo khi trời lạnh	leo trèo nắp bể, giếng... + Cho trẻ xem video về một số tai nạn thường gặp, trò chuyện cùng trẻ. - Giáo dục và nhắc nhở trẻ trong khi ăn không được khóc tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng... + Cho trẻ xem video một số hành động nguy hiểm và trò chuyện với trẻ . . . + Cho trẻ xem video dạy kỹ năng đi dép và giáo dục trẻ: Không được vứt dép, tắt, quần áo...phải cất vào tủ của mình, để đúng nơi quy định. - Giáo dục trẻ không tự ý đi ra một mình khỏi lớp, không leo trèo ban công, tường rào, ...
25	24-36T	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	
26	18-24T	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	
27	24-36T	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	
2. Phát triển nhận thức					
28	18-24T	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn...để nhận biết đặc điểm nổi bật của đồ dùng quen thuộc của bản thân	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.		* Hoạt động chơi – tập có chủ định: HĐNB - Nhận biết cảm xúc vui buồn - Nhận biết chân tay bé - Nhận biết cái váy, cái quần

29	24-36T	- Trẻ sờ nắn, nhìn... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đồ dùng quen thuộc của bản thân ...		- Sờ nắn đồ dùng, đồ chơi của bản thân như trang phục của bé (quần, áo, giày, dép...)	*Hoạt động chơi - DCNT: Yêu cầu trẻ tìm vật cô vừa cất giấu - HDG (góc hđvdv: chơi với các khối nhựa, hạt hạt, bon bon...) - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở góc)
30	18-24 T	- Trẻ bắt chước hành động đơn giản của những người thân		- Trẻ biết tên của bản thân, một số người gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - HDNB: + Nhận biết cảm xúc vui buồn + Nhận biết chân, tay của bé + Trải nghiệm về ngày 20/11 * Hoạt động chơi - HDG: Trẻ chơi ở góc bé em tập làm chị nói chuyện với em... * HĐ giao lưu cảm xúc - Giờ đón, trả trẻ: Cô trò chuyện với trẻ. Cho trẻ xem tranh ảnh và hỏi trẻ về người thân gần gũi như bố con gì? Mẹ con tên gì?...
31	18-24 T	- Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi			
32	24 -36T	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc: Bóng, hạt hạt, khối nhựa...		- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	* HĐ chơi: - Trong giờ đón trả trẻ: Cho trẻ chơi tự do ở các góc chơi - Hoạt động góc: + Góc HDVDV: Cho trẻ chơi với hạt hạt, xâu vòng... + Góc vận động: Chơi đóng cộc, chơi với vòng, bóng ... + Góc thao tác vai: Trẻ chơi bế em búp bê...
32	24 -36T	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được			

		một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc: Bóng, hạt hạt, khối nhựa...			
34	18 -24T	- Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	- Tên một số bộ phận của cơ thể; mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	- Hình ảnh của bản thân trong gương	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HDNB: - Nhận biết cảm xúc vui buồn - Nhận biết chân tay bé - Nhận biết cái váy, cái quần * HD giao lưu cảm xúc. - Giờ đón, trả trẻ: Cô trò chuyện với trẻ. Cho trẻ soi gương hoặc xem ảnh của trẻ trong điện thoại. - Trò chuyện về tên cô giáo và các bạn trong lớp. * Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời: Trẻ chơi với đồ chơi yêu thích... - HDG chỉ chơi với các góc chơi mình thích...
35	24-36 T	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Tên, chức năng chính của một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân	
36	18 -24T	-Trẻ chỉ/lấy/nói tên đồ dùng đồ chơi thuộc theo yêu cầu của người lớn		- Đồ chơi, đồ dùng của bản thân.	
38	18-24T	- Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn		- Màu đỏ, xanh. - Kích thước (to – nhỏ)	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HDNB: + Trải nghiệm ngày 20/11 + Nhận biết cái váy, cái quần - HDVDV: + Xâu vòng tặng bạn búp bê + Tạo hình bắn phá hoa bằng ống hút + Nặn cái vòng tặng cô + Di màu cái váy * Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời
39	24-36T	- Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu		- Màu đỏ, vàng, xanh - Số lượng (một- nhiều)	
40	24-36T	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đồ chơi có kích		- Vị trí trong không gian (trên - dưới -	

		thước to/ nhỏ theo yêu cầu		trước - sau so với bản thân trẻ).	- Hoạt động góc(góc hđvdv: chơi với các khối nhựa, hột hạt...) - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc)
3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ					
41	18-24T	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: “Đi đến đây”; “đi rửa tay”;....		- Nghe và thực hiện 1 số yêu cầu bằng lời nói	* Hoạt động chơi - DCNT (Chơi tự do theo ý thích cất đồ chơi sau khi chơi xong)
42	24-36 T	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động: (VD: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”)		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	- HDG (Chơi ở các góc chơi: Góc HĐVĐV cất khối nhựa, hột hạt, nút nhựa....) - Chơi - tập buổi chiều (Cất đồ chơi sau khi chơi xong)
43	18-24T	- Trẻ hiểu được từ “không”; dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ!”....	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.		* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời.
44	24-36T	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?”; (Ví dụ: “Ai đây? Bạn ấy là bạn trai hay bạn gái? Miệng xinh để làm gì?)		- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”. - Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”.	- Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Chơi – tập buổi chiều - Nghe các câu hỏi: Bút màu này dùng để làm gì? Cô có cái gì đây? Cái váy này dùng để làm gì?... - Chơi tự do ngoài trời.
45	18-24T	- Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: “Cái gì đây?”; “Cái này có màu gì?”...		- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời.

46	24-36T	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.		- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Nghe các câu hỏi: Con tên là gì? Cô có cái gì đây? Đây là bộ phận gì?... * Hoạt động chơi – tập
47	18-24T	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: đôi mắt, cái váy, vui, buồn, tay, chân...	- Phát âm các âm khác nhau	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”.	có chủ định: Thơ + Miệng xinh + Đôi mắt của em + Mẹ và cô - Truyện: Chú gấu ngoan - Xem tranh ảnh video và gọi tên các nhân vật.
48	24-36T	- Trẻ phát âm rõ tiếng		- Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”...	
49	18-24T	- Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.		- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Thơ - Miệng xinh - Đôi mắt của em - Mẹ và cô
50	24-36T	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ như tập chào cô giáo, chào bố, mẹ... * Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do ở các góc * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ăn: Tập mời cô, mời các bạn - Trong giờ vệ sinh: Tập nói với cô khi có nhu cầu - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “Chào cô giáo”, “Chào bố”,

					“Chào mẹ”, “Chào các bạn”, “Con uống nước”, “Con muốn đi vệ sinh”...
51	18-24T	- Trẻ nói được câu đơn 2- 3 tiếng: Cái chân này bẩn, cái áo xinh, cái váy này đẹp thế...			* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi - tập có chủ định
52	24-36T	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5- 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	- Thể hiện được sự lễ phép (Con xin đọc thơ, hát..) - Trẻ đọc được đoạn thơ ngắn với sự giúp đỡ của cô. - Trẻ chỉ và nói, được tên, hành động gần gũi trong tranh, nhân vật trong truyện hoặc nói được khi cô gợi ý.
53	18-24 T	- Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu muốn uống nước, cháu muốn...)		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	* Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do ở các góc
54	24-36T	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Cái gì đây?”...		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ăn: Nói với cô giáo (Con xin cô bát cơm, con xin cô bát canh...) - Trong giờ vệ sinh - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “Chào các bạn”, “Con xin cô, con ạ cô”, “Con muốn đi vệ sinh”...

55	24-36T	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	
56	18-24 T			- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật trong tranh	
4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ					
57	18-24 T	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi)		- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giờ đón, trả trẻ cô trò chuyện với trẻ hỏi tên và cho trẻ xem hình ảnh của bản thân và cho trẻ chỉ và gọi tên một số đặc điểm nổi bật bên ngoài bản thân
58	24-36 T	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).		- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân	- Chơi tự do ở các góc trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: HDG
60	18-24T	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người thân gần gũi.		- Giao tiếp với cô và bạn	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Tập giao tiếp trong giờ đón trẻ, trả trẻ. * Hoạt động chơi – tập có chủ định
61	24-36T	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với những người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh	- Thích trả lời các câu hỏi của cô. * Hoạt động chơi - Chơi ở các góc chơi tự do, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Trong ăn: Trẻ thể hiện nhu cầu khi đói, khi ăn no. - Trong giờ ăn: Thể

					hiện được nhu cầu của mình với cô giáo, với các bạn.
62	18-24T	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.		- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh	*Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Đón trẻ, trả trẻ + Xem video về cảm xúc của bé * Hoạt động chơi – tập
63	24-36T	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. - Trẻ biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		- Nhận biết và thể hiện 1 số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận.	có chủ định - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn khi được cô khen, chê * Hoạt động chơi - Trẻ thích thú khi được chơi đùa cùng các bạn.. * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trẻ nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Vui, buồn, khóc, giận
66	18-24T	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở		- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: Chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”	
67	24-36T	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn ạ, vâng ạ.		- Thực hiện 1 số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn không cầu bạn.	
68	18-24T	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại,..)		- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi	

69	24-36T	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại,...)			
70	18-24 T	- Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.			* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Âm nhạc - Hát: Giấu tay, cô và mẹ - VĐTN: Tay thơm tay ngoan - NH: Chiếc khăn tay, bàn tay mẹ * Hoạt động chơi - TC: Thi xem ai nhanh; Ai nhanh nhất; Ai đoán giỏi
70	18-24 T	- Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.			
71	24-36T	- Trẻ biết thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	
72	24-36T	- Thực hiện một số yêu cầu của người lớn		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	

73	18-24T	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...)		- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
74	24-36T	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
75	18-24T	- Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- Xem tranh .	- Tập cầm bút vẽ	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Di màu cái váy - Tạo hình pháo hoa bằng ống mút - Nặn cái vòng tặng cô *Hoạt động chơi: - HDG (Góc nghệ thuật) - DCNT (Chơi tự do: Chơi với phấn)
76	24-36T	- Trẻ thích tô màu, nặn, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.	

*** Tổng số mục tiêu:**

- Trẻ 18-24 tháng: 35
- Trẻ 24-26 tháng: 36

NGƯỜI LẬP

Lò Thị Thảo

BGH PHÊ DUYỆT

Hoàng Thị Lệ Hằng